

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST  
Ngày: 17 - 9 - 2020  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Trần Mộng Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Nguyên Hưng -Cán bộ  
Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Trụ sở: 266-268 N, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do bà Nguyễn Đức Th D –Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Đại diện ủy quyền tham gia phiên tòa ông Lê Đình Th - Chuyên viên quản lý nợ (Theo văn bản ủy quyền 16/3/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Kiên Giang), (ông Th có mặt tại tòa).

**2. Bị đơn: - Ông Thái Quan H, sinh năm: 1974 (vắng mặt).**

**- Bà Ngô Thị Tú H1, sinh năm: 1975 (vắng mặt).**

Địa chỉ: 233/21 L, khu phố 5, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện ủy quyền nguyên đơn - ông Lê Đình Th:**

Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng với ông Thái Quan H, bà Ngô Thị Tú H1 theo Hợp đồng tín dụng số LD1611800633 ngày 28/4/2016, sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1706700023 ngày 06/3/2017, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số LD1807500001 ngày 16/3/2018 và Giấy dư nợ số LD1807500001 ký ngày 20/3/2018 giữa Ngân hàng TMCP S – Phòng Giao dịch G với ông H, bà H1. Theo đó Ngân hàng có cấp tín dụng cho ông H, bà H1 vay vốn như sau: Giấy dư nợ số LD1807500001 ký ngày 20/3/2018 số tiền vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng (gốc trả cuối kỳ, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng). Thời điểm trả hết nợ ngày 20/3/2019. Tài sản thế chấp hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 186,1 m<sup>2</sup> tại địa chỉ 233/19 +233/21A L, khu phố 5, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Theo hợp đồng thế chấp số 2308438.1.1 ngày 24/4/2016, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R ngày 28/4/2016).

Do ông H, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay của ông H, bà H1 sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/9/2020 số tiền nợ của ông H, bà H1 là: Vốn vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), lãi trong hạn 134.849.315 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm mười lăm đồng), lãi quá hạn 64.141.370 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm bốn mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng), lãi phạt: 984.087 đồng (chín trăm tám mươi bốn ngàn không trăm tám mươi bảy đồng). Tổng cộng là 999.974.772 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng).

- Bị đơn- ông Thái Quan H và bà Ngô Thị Tú H1: vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bị đơn là ông Thái Quan H và bà Ngô Thị Tú H1 có nơi cư trú tại địa chỉ tại 233/21 L, khu phố 5, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang yêu cầu thanh toán nợ vay của hợp đồng tín dụng. Nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đối với ông Thái Quan H và bà Ngô Thị Tú H1 đã được triệu tập xét xử lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Thái Quan H và bà Ngô Thị Tú H1*: Ngân hàng thương mại cổ phần S có ký kết hợp đồng tín dụng và cấp tín dụng cho ông H, bà H1 vay vốn như sau: Giấy dư nợ số LD1807500001 ký ngày 20/3/2018 số tiền vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), lãi suất 10,5%/ năm, thời hạn vay 12 tháng (gốc trả cuối kỳ, trả lãi vào ngày 20 hàng tháng). Ông H, bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán sau khi đã vay tiền của Ngân hàng nên Ngân hàng có quyền khởi kiện ông H, bà H1 tại Tòa án. Xét hợp đồng giữa các bên ký kết đúng trình tự quy định của pháp luật, là hợp đồng vay tín dụng vay và có đảm bảo bằng tài sản thế chấp. Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông H, bà H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ hợp đồng vay cụ thể: Vốn vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), lãi trong hạn 134.849.315 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm mười lăm đồng), lãi quá hạn 64.141.370 đồng (sáu mươi bốn triệu một trăm bốn mươi một ngàn ba trăm bảy mươi đồng), lãi phạt: 984.087 đồng (chín trăm tám mươi bốn ngàn không trăm tám mươi bảy đồng). Tổng cộng là 999.974.772 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng).

[3]. *Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp*: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2308438.1.1 ngày 24/4/2016 giữa Ngân hàng với ông H, bà H1 công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R ngày 28/4/2016. Xét hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng trình tự thủ tục và đăng ký thế chấp theo quy định. Căn cứ vào quy định tại Điều 299 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 về giao dịch đảm bảo thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông H, bà H1 không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] *Về án phí dân sự có giá ngạch*: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông H,

bà H1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là:  $[36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 199.974.772 \text{ đồng}) = 41.999.000 \text{ đồng}$  (bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng). Ngân hàng TMCP S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.666.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001613 ngày 16/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 299 và Điều 323; Điều 351, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Xử :***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Thái Quan H, bà Ngô Thị Tú H1. Buộc ông H, bà H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền vay vốn và lãi là 999.974.772 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày 18/9/2020 ông H, bà H1 còn phải trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông H, bà H1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là 41.999.000 đồng (bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng). Ngân hàng TMCP S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.666.000 đồng (mười tám triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001613 ngày 16/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**\* Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp.Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp.Rạch Giá;
- Lưu./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Trần Mộng Thúy**